

BIỂU PHÍ

BẢO HIỂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE TOÀN DIỆN

Đơn vị tiền tệ: VNĐ

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CHÍNH					
Độ tuổi	Chương trình 1	Chương trình 2	Chương trình 3	Chương trình 4	Chương trình 5
1 đến 3	10.680.000	8.583.750	5.738.200	4.416.250	3.008.750
4 đến 10	6.408.000	5.150.250	3.310.500	2.649.750	1.805.250
11 đến 18	5.553.600	4.463.550	2.869.100	2.296.450	1.564.550
19 đến 40	5.340.000	4.291.875	2.979.450	2.208.125	1.504.375
41 đến 50	5.980.800	4.806.900	3.089.800	2.473.100	1.684.900
51 đến 60	6.408.000	5.150.250	3.310.500	2.649.750	1.805.250
QUYỀN LỢI BẢO HIỂM BỔ SUNG					
1. Điều trị ngoại trú					
Độ tuổi	Chương trình 1	Chương trình 2	Chương trình 3	Chương trình 4	Chương trình 5
1 đến 3	9.912.000	7.870.600	5.080.950	4.260.000	3.296.700
4 đến 10	4.602.000	3.681.600	2.516.280	2.215.200	1.712.000
11 đến 18	4.425.000	3.256.800	2.322.720	2.130.000	1.623.375
19 đến 40	4.337.200	2.973.600	2.032.800	1.755.600	1.545.000
41 đến 50	4.878.000	3.382.600	2.312.700	1.959.100	1.757.250
51 đến 60	5.259.100	3.551.600	2.671.240	2.219.360	1.810.050
2. Chăm sóc răng					
	1.500.000	1.200.000	1.080.000	920.000	750.000
3. Thai sản					
	3.060.000	2.592.000			
4. Tử vong/tàn tật toàn bộ vĩnh viễn do ốm đau, bệnh tật					
	1.160.000	830.000	460.000	370.000	230.000